

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22807701] - Tự động hóa công
nghiệp (CCQ2315A)
CBGD: Nguyễn Việt Khoa (280021)

Số SV có mặt: 14
Số bài thi:
Số tờ giấy thi: 16

ole
Nguyễn Việt Khoa
ole
Nguyễn Việt Khoa

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123150006	Lê Hữu Bằng	08/06/2005	CCQ2315A					
2	2123150034	Nguyễn Văn Cảnh	11/04/2005	CCQ2315A		<i>Cảnh</i>	8,3	8,5	8,4
3	2123150030	Nguyễn Thành Đạt	17/08/2005	CCQ2315A		<i>Đạt</i>	6,5	7,5	7,1
4	2123150036	Võ Hồ Bảo Duy	14/06/2005	CCQ2315A		<i>Duy</i>	8,5	8,3	8,4
5	2123150020	Đoàn Hoàng Hiệp	12/11/2005	CCQ2315A		<i>Hiệp</i>	7,3	8,5	8,0
6	2123150035	Trần Minh Hồ	06/05/2005	CCQ2315A					
7	2122150036	Nguyễn Khắc Nam Hoàng	21/03/2004	CCQ2215A					
8	2123150019	Lê Văn Hưng	13/01/2005	CCQ2315A		<i>Hưng</i>	8,3	8,5	8,4
9	2123150007	Lê Thanh Huy	28/03/2005	CCQ2315A		<i>Huy</i>	6,3	6,8	6,6
10	2123150003	Phạm Duy Khanh	07/05/2004	CCQ2315A		<i>Khanh</i>	7,5	7,0	7,2
11	2123150029	Trương Tuấn Kiệt	28/01/2005	CCQ2315A		<i>Kiệt</i>	8,8	7,8	8,2
12	2123150037	Trần Hoài Linh	13/09/2005	CCQ2315A		<i>Linh</i>	7,0	7,5	7,3
13	2123150021	Nguyễn Thành Lộc	08/05/2003	CCQ2315A		<i>Lộc</i>	6,5	7,5	7,1
14	2123150023	Tô Hữu Lực	29/01/2005	CCQ2315A		<i>Lực</i>	6,8	8,0	7,5
15	2123150014	Nguyễn Hồng Nhật	01/06/2005	CCQ2315A		<i>Ngật</i>	8,5	8,3	8,4
16	2123150012	Võ Văn Phát	07/07/2005	CCQ2315A					
17	2123150060	Huỳnh Nhựt Phong	19/08/2005	CCQ2315A					
18	2123150005	Đỗ Văn Phú	05/10/2005	CCQ2315A		<i>Phú</i>	8,5	8,8	8,7
19	2123150013	Võ Hồng Phúc	30/11/2005	CCQ2315A					
20	2123150016	Trần Ngọc Thanh	29/12/2005	CCQ2315A		<i>Thanh</i>	7,8	8,0	7,9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22807702] - Tự động hóa công
nghiệp (CCQ2315B)

CBGD: Nguyễn Việt Khoa (280021)

Số SV có mặt: 17...

Số bài thi: 17...

Số tờ giấy thi: 17...

Ng Việt Khoa N N Tuyền Ng Việt Khoa N N Tuyền

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123150067	Lê Nhật Anh	25/08/2005	CCQ2315B			7,5	8,0	7,8
2	2123150044	Lê Đình Chương	15/05/2005	CCQ2315B			8,0	7,3	7,6
3	2123150002	Nguyễn Bá Đạt	08/05/2003	CCQ2315B			8,5	8,0	8,2
4	2123150056	Nguyễn Ngọc Tiến Đạt	05/02/2005	CCQ2315B			7,0	7,5	7,3
5	2123150054	Trần Thành Đạt	19/05/2005	CCQ2315B					
6	2123150043	Huỳnh Quốc Duy	11/09/2003	CCQ2315B			7,8	7,8	7,8
7	2123150050	Phạm Ngọc Hiền	14/03/2005	CCQ2315B			8,3	7,0	7,5
8	2123150045	Nguyễn Đức Hoà	07/09/2005	CCQ2315B			7,3	7,8	7,6
9	2123150061	Nguyễn Nhật Hòa	21/05/2005	CCQ2315B			7,8	8,3	8,1
10	2123150059	Nguyễn Minh Hoàn	07/01/2005	CCQ2315B			8,0	8,5	8,3
11	2123150096	Trần Hoàng	24/05/2005	CCQ2315C			8,5	9,0	8,8
12	2123150073	Phan Đình Khôi	27/05/2003	CCQ2315B					
13	2123150070	Lê Hoài Nam	05/10/2005	CCQ2315B			8,8	9,3	9,1
14	2123150058	Nguyễn Như Phát	01/01/2005	CCQ2315B			8,3	8,0	8,1
15	2123150063	Phan Huy Sang	08/03/2005	CCQ2315B			7,5	8,3	8,0
16	2123150051	Huỳnh Tấn Sanh	17/09/2005	CCQ2315B			6,8	7,0	6,9
17	2123150047	Phạm Đăng Sơn	29/03/2005	CCQ2315B			7,5	7,8	7,7
18	2123150046	Phan Thành Sỹ	24/07/2005	CCQ2315B			8,3	8,8	8,6
19	2123150057	Bùi Đức Tài	15/10/2004	CCQ2315B			7,8	8,0	7,9
20	2123150062	Nguyễn Minh Thắng	23/10/2005	CCQ2315B					